

HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ VỚI VIỆC KHẲNG ĐỊNH CHỦ QUYỀN VÀ VỊ THẾ PHÁP LÝ CỦA VIỆT NAM

TS MAI QUỐC DŨNG

Trường Đại học Công thương thành phố Hồ Chí Minh

TS NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

4-12-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

20-1-2026

Ngày duyệt đăng:

10-2-2026

Tóm tắt: Trong bối cảnh đất nước đứng trước nguy cơ xung đột đa chiều và chưa được quốc tế công nhận rộng rãi, việc Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký Hiệp định Sơ bộ (Convention preliminaire) ngày 6-3-1946 với Pháp đã mở ra nền tảng pháp lý đối ngoại và trở thành bước đi chiến lược nhằm khẳng định vị thế pháp lý của Việt Nam trên trường quốc tế. Bài viết tập trung làm rõ vai trò của Hiệp định Sơ bộ trong việc xác lập chủ quyền và vị thế, ý nghĩa pháp lý, qua đó đánh giá những tác động của Hiệp định đối với sự hình thành đường lối ngoại giao Việt Nam giai đoạn sau.

Từ khóa:

Hiệp định Sơ bộ; chủ quyền, vị thế pháp lý; ngoại giao Việt Nam

1. Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 - Văn kiện ngoại giao khẳng định vị trí pháp lý của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong hoàn cảnh chính trị, quân sự đặc biệt phức tạp. Lúc đó, trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới II đang tái định hình và cục diện tại Đông Dương trở nên rối ren, do sự can dự của nhiều lực lượng quốc tế. Việt Nam phải đối diện với tình cảnh “thù trong, giặc ngoài”, “ngàn cân treo sợi tóc”, trong khi chính quyền non

trẻ chưa được quốc gia nào công nhận chính thức. Ở miền Bắc, hơn 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào giải giáp quân Nhật, can thiệp sâu vào nội bộ Việt Nam. Ở miền Nam, “quân Anh đã giúp Pháp khôi phục lại chế độ thực dân”¹. Trước tình hình đó, nhân dân Nam Bộ đã đứng lên kháng chiến chống lại cuộc xâm lược của thực dân Pháp.

Kinh tế kiệt quệ và nạn đói đã khiến Chính phủ phải ưu tiên ổn định xã hội, củng cố hệ thống chính quyền, bảo vệ thành quả cách mạng. Cục diện đó khiến Việt Nam đứng trước nguy cơ bị chia cắt



Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Sainteny (đứng giữa) đại diện Chính phủ Pháp cùng đại diện các nước Đồng minh nghe đọc văn bản Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 trước khi ký kết, tại Hà Nội, năm 1946 (Ảnh: cand.com.vn)

hoặc mất độc lập một lần nữa. Điều cấp thiết là phải củng cố chính quyền và “tránh đương đầu với nhiều kẻ thù cùng một lúc”². Ban Thường vụ Trung ương Đảng nhận định: “Vấn đề là biết mình, biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng”³. Tình hình lúc này cho thấy: “Quân Tưởng (Trung Hoa Dân quốc -TG) ra sức thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, lật đổ chính quyền cách mạng, song kẻ thù chính của nhân dân ta là thực dân Pháp xâm lược”⁴. Trên cơ sở đánh giá tình hình, vấn đề khẳng định chủ quyền quốc gia và xác lập vị thế pháp lý trên trường quốc tế trở thành nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện nguyên tắc “dĩ bất biến ứng vạn biến”⁵, vừa kiên quyết bảo vệ độc lập, vừa linh hoạt trước cục diện quốc tế phức tạp.

Sự có mặt của hơn 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc tại miền Bắc Việt Nam đã cản trở ý đồ

đưa quân ra chiếm miền Bắc của Pháp, vì vậy Pháp đã tìm cách thương lượng để đưa quân Pháp ra miền Bắc thay thế quân Trung Hoa Dân quốc rút về nước. Nhà sử học Philippe Devillers cho rằng phía Pháp “phải điều đình với Trung Quốc để thuyết phục họ rút nhanh quân của họ ở Bắc Đông Dương về và để cho quân Pháp trở lại đó”⁶.

Về quan hệ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Pháp, từ cuối năm 1945 đến đầu năm 1946, nhiều đại diện Pháp ở Đông Dương, đặc biệt là Jean Sainteny (Xanh Tony) đã tiếp xúc với các đại diện Chính phủ Việt Nam. Đây là bước mở đầu của quá trình đàm phán hướng tới một hiệp định tạm thời, nhằm giải quyết các mâu thuẫn trước mắt và ổn định tình hình. Trong bối cảnh Việt Nam chưa đủ tiềm lực quân sự để đối đầu trực tiếp, việc lựa chọn con đường hòa hoãn, kết hợp ngoại giao để bảo vệ chủ quyền, là một tính toán chiến lược có cơ sở thực tiễn và tầm nhìn xa.

Tiến trình đàm phán Việt - Pháp để đi đến ký kết Hiệp định diễn ra từ tháng 12-1945 đến tháng 3-1946, với nhiều vòng tiếp xúc giữa Hồ Chí Minh và Jean Sainteny, đại diện chính thức của Pháp tại Hà Nội. Các cuộc gặp gỡ này diễn ra âm thầm, nhưng liên tục, thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong việc tìm mọi cách tránh xung đột quân sự, khi điều kiện chưa chín muồi. Trong các cuộc trao đổi, Hồ Chí Minh thể hiện rõ nguyên tắc: “dĩ bất biến ứng vạn biến”. Điều “bất biến” là độc lập dân tộc; cái “vạn biến” là phương sách linh hoạt trong quan hệ đối ngoại để bảo vệ lợi ích cốt lõi. Tầm nhìn của Hồ Chí Minh là sử dụng đối thoại để gỡ bỏ vòng vây của nhiều lực lượng ngoại bang, tạo môi trường thuận lợi nhất để củng cố chính quyền cách mạng.

Phía Pháp, Jean Sainteny và Cao ủy Đông Dương D'Argenlieu (Đácgiăngliô) theo đuổi mục tiêu khác nhau. Sainteny chủ trương thương lượng để đạt một thỏa hiệp có lợi cho Pháp nhưng tránh xung đột lớn, trong khi D'Argenlieu thiên về biện pháp quân sự nhằm tái lập chủ quyền hoàn toàn của Pháp ở Đông Dương. Chính sự bất đồng nội bộ này khiến đàm phán nhiều lúc bế tắc, nhưng đã tạo không gian và thời gian để phía Việt Nam xử lý linh hoạt và có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng.

Từ tháng 1 đến cuối tháng 2-1946, hai bên đã tiến hành nhiều cuộc gặp chính thức và không chính thức. Hồ Chí Minh yêu cầu Pháp phải thừa nhận Việt Nam như một quốc gia, có chính phủ, quân đội và nghị viện riêng. Ban Thường vụ Trung ương Đảng cho rằng Pháp ra sức tấn công và “... mở cuộc đàm phán bàn về vấn đề quân Pháp kéo vào Bắc Việt Nam”. Mục đích của Pháp là: “1) Mau giải quyết vấn đề Đông Dương để bảo toàn uy tín và thực lực. 2) Kéo ta để cân sức với Tàu”⁷. Ngày 3-3-1946, những điều khoản cuối cùng được chốt lại, mở đường

cho việc ký kết Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, tại Hà Nội. Hiệp định gồm ba điều khoản. Nội dung chủ yếu là:

Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính của mình và là một phần tử trong Liên bang Đông Dương ở trong Liên hiệp Pháp.

Về hợp nhất “ba kỳ”, Chính phủ Pháp cam đoan thừa nhận những quyết định của nhân dân thông qua trưng cầu ý dân.

- Chính phủ Việt Nam chấp nhận quân đội Pháp thay thế quân đội Trung Hoa.

- Hai Chính phủ lập tức quyết định mọi phương sách cần thiết để đình chỉ ngay xung đột và mở các cuộc thương lượng về: những quan hệ ngoại giao của Việt Nam với nước ngoài; chế độ tương lai của Đông Dương; những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam.

Với những nội dung trên, Hiệp định Sơ bộ có giá trị pháp lý quan trọng:

Thứ nhất, Pháp công nhận Việt Nam là “một nước tự do”⁸, có chính phủ, nghị viện, quân đội và ngân sách riêng, nhưng nằm trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp. Đây là lần đầu tiên một cường quốc phương Tây chính thức ký một văn kiện ngoại giao với Việt Nam với tư cách quốc gia, qua đó tạo tiền lệ quan trọng cho việc khẳng định chủ quyền quốc gia trên trường quốc tế. Mặc dù bị Pháp diễn giải theo hướng hạn chế, nhưng về mặt pháp lý, văn kiện này thừa nhận sự tồn tại của một chủ thể quốc gia Việt Nam.

Thứ hai, Hiệp định cho phép quân đội Pháp thay quân đội Trung Hoa Dân quốc vào Bắc Việt Nam trong thời hạn không quá 5 năm. Điều này phản ánh tính toán chiến lược của Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã

loại bỏ bớt được một kẻ thù của dân tộc, tập trung sức mạnh của cả dân tộc để chống lại cuộc xâm lược của thực dân Pháp.

Thứ ba, hai bên đình chiến để mở cuộc đàm phán chính thức và trong khi đàm phán, hai bên giữ nguyên vị trí đóng quân. Như vậy, có thể thấy rằng trong tình thế khó khăn, việc ngừng xung đột ngay lập tức giúp cho Việt Nam tránh cuộc chiến đa mặt trận, ổn định tạm thời miền Bắc, giảm áp lực quân sự để củng cố chính quyền cách mạng, có thời gian chuẩn bị tài lực, nhân lực. Việc sử dụng khái niệm hai Chính phủ cho thấy đại diện của Pháp đã chấp nhận đàm phán ngang hàng với Việt Nam, hành xử theo quan hệ quốc tế, không phải quan hệ chính quốc với thuộc địa.

Bản thỏa thuận phụ ký cùng lúc với Hiệp định có sự chứng kiến của đại diện phái đoàn Anh, Mỹ, Trung Hoa Dân quốc, đã buộc quân đội Trung Hoa Dân quốc rời miền Bắc Việt Nam, thay vào đó “Việt Nam thuận cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc Việt Nam thay thế quân đội Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật. Số quân đó sẽ phải rút hết trong 5 năm và mỗi năm sẽ rút 1/5”⁹. Khi quân Trung Hoa Dân quốc rút thì “bọn Việt Cách, Việt Quốc mất chỗ dựa vội vàng cuốn gói theo quân Tưởng. Ta chấp nhận ở trong Liên bang Đông Dương thuộc Khối Liên hiệp Pháp cũng làm cho quân Anh, Mỹ hết cơ nán lại xâm xé Việt Nam. Như vậy một đòn cùng một lúc gạt đi bốn kẻ thù: Tưởng, Mỹ, Anh và bọn tay sai của chúng”¹⁰.

Ban Thường vụ Trung ương Đảng cho rằng, Hiệp định Sơ bộ “chỉ là bước đầu. Cuộc đàm phán sẽ tiếp tục, lấy bản Hiệp định sơ bộ làm nền tảng”¹¹ nhằm bảo vệ chính quyền cách mạng trong bối cảnh ngặt nghèo. Việc ký Hiệp định đã tạo điều kiện để “tránh tình thế bất lợi: phải cô lập chiến đấu cùng một lúc với nhiều lực lượng phản động...

Bảo toàn thực lực dành lấy giây phút nghỉ ngơi và củng cố vị trí mới chiếm được... Tóm lại để chuẩn bị đầy đủ nhằm cơ hội tốt, tiến lên giai đoạn cách mạng mới”¹².

Hiệp định Sơ bộ đã buộc Pháp công nhận sự tồn tại của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - một quốc gia có thiết chế riêng. Điều này gia tăng tính chính danh quốc tế cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và là cơ sở quan trọng cho các hoạt động đối ngoại về sau. Đây là cơ sở để tiếp tục đấu tranh tại Hội nghị trù bị tại Đà Lạt và Hội nghị chính thức tại Fontainebleau (Phôngtennoblô) và trong các cuộc tiếp xúc quốc tế khác. Mặc dù các cuộc đàm phán sau đó gặp nhiều khó khăn, nhưng Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 đã mở cánh cửa đầu tiên để Việt Nam bước vào vũ đài ngoại giao thế giới.

2. Ý nghĩa của Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 đối với Việt Nam

Hiệp định Sơ bộ là văn kiện ngoại giao đầu tiên mà Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký kết với một cường quốc đang hiện diện trên lãnh thổ Việt Nam. Trong lịch sử ngoại giao Việt Nam, văn kiện này không chỉ mang ý nghĩa chiến thuật trong bối cảnh “hòa để tiến”, mà còn là dấu mốc pháp lý quan trọng, góp phần khẳng định chủ quyền quốc gia và tư cách pháp lý của Nhà nước Việt Nam trên trường quốc tế.

Thứ nhất, khẳng định tư cách pháp lý của Nhà nước Việt Nam

Một trong những đóng góp quan trọng nhất của Hiệp định Sơ bộ là đã tạo ra cơ sở pháp lý đầu tiên để Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham gia đàm phán và ký kết các văn kiện mang tính chất quốc tế; đánh dấu Việt Nam trở thành một chủ thể có khả năng tham gia và đàm phán trong các quan hệ quốc tế chính thức. Trước đó,

nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dù tuyên bố độc lập ngày 2-9-1945, nhưng vẫn chưa được quốc gia nào chính thức thừa nhận, do đó gặp rất nhiều khó khăn trong các quan hệ quốc tế. Hiệp định Sơ bộ xác lập hai yếu tố then chốt, thừa nhận về mặt pháp lý quốc tế của chính thể Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (dù Pháp sử dụng khái niệm “quốc gia tự do” trong Liên bang Đông Dương), công nhận Việt Nam có chính phủ, có lãnh thổ và có tự do. Điều này phù hợp với tiêu chuẩn công nhận quốc gia theo luật quốc tế hiện đại (Montivideo), gồm lãnh thổ, dân cư, chính phủ và khả năng thiết lập quan hệ với các quốc gia khác.

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh coi việc ký kết Hiệp định là một thắng lợi ngoại giao quan trọng. Trong buổi tiếp Tướng Philippe Leclerc de Hauteclocque, ngày 18-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong cuộc bang giao giữa chúng ta, nếu Anh, Mỹ đã đi trước chúng ta vì đã hứa cho Ấn Độ và Phi Luật Tân được độc lập, thì chúng ta cũng có thể tự hào rằng Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 đã cùng ký kết theo một tinh thần đó. Thực vậy, việc mà nước Pháp mới đã thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tự do là một dấu đầu tiên để đưa nước chúng tôi tới độc lập hoàn toàn một cách chắc chắn”¹³. Điều này cho thấy, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức rõ tầm quan trọng của tư cách pháp lý mà Hiệp định đem lại, giúp chính quyền Việt Nam có vị

thế khi bước vào các cuộc đàm phán tiếp theo, đặc biệt là Hội nghị Fontainebleau (1946).

Từ góc nhìn pháp lý quốc tế, Hiệp định Sơ bộ tạo tiền lệ cho việc cộng đồng quốc tế phải thừa nhận Việt Nam là một thực thể chính trị. Các cường quốc khi tham gia giải quyết vấn đề Đông Dương không thể bỏ qua Nhà nước Việt Nam như một chủ thể có quyền lợi và tiếng nói, Hiệp định bước đầu đặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào vị trí hợp pháp trong các hoạt động đối ngoại.

Thứ hai, củng cố chủ quyền trên phương diện đối ngoại

Trong bối cảnh chủ quyền Việt Nam bị đe dọa nghiêm trọng, quân Pháp tìm cách tái chiếm, quân Anh - Ấn kiểm soát miền Nam, quân Trung Hoa Dân quốc hiện diện ở miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gọi tình thế này là “ngàn cân treo sợi tóc”. Vì vậy, Hiệp định Sơ bộ không chỉ là biện pháp chiến thuật nhằm kéo dài thời gian, mà còn là bước đi nhằm củng cố

Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, là một dấu mốc đặc biệt trong tiến trình xây dựng và bảo vệ chủ quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Hiệp định đem lại những giá trị lâu dài trong tư duy ngoại giao của Việt Nam: Khẳng định nguyên tắc “đi bất biến ứng vạn biến; là nền tảng pháp lý cho đấu tranh ngoại giao. Hiệp định đã tạo dấu ấn sâu sắc trong tư duy ngoại giao Việt Nam với phương châm kiên định độc lập, tự chủ, nhưng mềm dẻo; đặt nền móng cho cấu trúc ngoại giao đa phương và song phương sau này trong giai đoạn tiếp theo.

chủ quyền đối ngoại. Việc Pháp thừa nhận “Việt Nam là một quốc gia tự do, có nghị viện, chính phủ, quân đội và tài chính riêng”¹⁴ là dấu mốc chủ quyền quan trọng. Điểm mới là, dù nằm trong Liên bang Đông Dương, Việt Nam vẫn được khẳng định có bộ máy quyền lực độc lập. Điều này giúp củng cố lập luận pháp lý rằng Việt Nam là một chủ thể có quyền tự quyết.

Ở góc độ ngoại giao, Hiệp định Sơ bộ mở đường cho Việt Nam thiết lập các cơ quan đại

diện và tham gia đàm phán quốc tế, tạo vị thế pháp lý để Việt Nam phản đối các hành động xâm phạm chủ quyền của Pháp sau này. Trong cuộc mít tinh của nhân dân Hà Nội ngày 7-3-1946, Hồ Chí Minh nói: “Bản Hiệp định sẽ dẫn chúng ta đến một vị trí quốc tế ngày càng vững vàng và đó là một thắng lợi chính trị lớn lao”¹⁵. Hiệp định tạo sự phân hóa trong nội bộ các cường quốc, cho thấy Việt Nam sẵn sàng đàm phán và giữ hòa bình.

Thứ ba, đã đặt nền móng cho tư duy và nghệ thuật ngoại giao Việt Nam

Hiệp định có ảnh hưởng rất lớn đối với nền ngoại giao Việt Nam. Hiệp định đặt nền tảng cho mô thức ngoại giao “vừa đấu tranh, vừa đàm phán”. Điều đó được thể hiện rõ từ Hội nghị Fontainebleau (1946) đến Hiệp định Genève (1954).

Hiệp định củng cố luận điểm Việt Nam là quốc gia có chủ quyền, dù bị xâm lược hoặc đặt trong khuôn khổ liên bang; cho thấy Việt Nam luôn ưu tiên hòa bình, đối thoại, tôn trọng luật pháp quốc tế. Đây là định hướng xuyên suốt của nền ngoại giao hiện đại Việt Nam cho đến ngày nay; đồng thời, khẳng định phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh: nhân văn, mềm dẻo, kiên trì tư duy chiến lược với nguyên tắc “đi bất biến ứng vạn biến” của Hồ Chí Minh, quyết tâm giữ vững mục tiêu độc lập, nhưng linh hoạt về sách lược. Hiệp định là kết quả của nghệ thuật kết hợp đấu tranh ngoại giao, chính trị và quân sự của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Văn kiện này thể hiện quan điểm ngoại giao độc lập, hòa bình, nhưng cứng rắn khi cần thiết. Đây là nền tảng cho đường lối ngoại giao của Việt Nam suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp và được tiếp nối trong các giai đoạn sau.

Mặc dù được xem là văn kiện ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với

một cường quốc và mang giá trị pháp lý quan trọng, nhưng Hiệp định Sơ bộ cũng có những giới hạn xuất phát từ tương quan lực lượng lúc bấy giờ. Hiệp định chưa phải là sự công nhận đầy đủ chủ quyền, mà mới là thừa nhận Việt Nam như một “quốc gia tự do” trong Liên bang Đông Dương và Khối Liên hiệp Pháp. Cách diễn đạt này cho thấy Pháp vẫn muốn duy trì ảnh hưởng và không sẵn sàng trao quyền độc lập hoàn toàn. Tương quan lực lượng ở Đông Dương khiến Việt Nam chưa thể áp đặt yêu cầu độc lập trọn vẹn, nhưng Hiệp định này đã đẩy gần 20 vạn quân Tưởng và các nhóm tay sai rút khỏi Việt Nam đã cải thiện quan trọng so sánh lực lượng của Việt Nam với đối phương. Do đó, Hiệp định vừa là kết quả của đấu tranh ngoại giao, vừa là sản phẩm của sự ràng buộc lực lượng. Mặc dù góp phần tạo hòa hoãn tạm thời, Hiệp định vẫn không thể duy trì trạng thái hòa bình lâu dài. Có thể phân tích những nguyên nhân cơ bản:

Thứ nhất, sự bất nhất trong chính sách của Pháp. Sau khi ký Hiệp định Sơ bộ, chính quyền Pháp vẫn tồn tại hai xu hướng: một phái muốn thương lượng với Việt Nam, hai là phái thực dân hiếu chiến muốn dùng sức mạnh quân sự để áp đặt trật tự thuộc địa, phái này đứng đầu là Đô đốc d'Argenlieu đã phá hoại các điều khoản hòa hoãn, lập Nam Kỳ tự trị, đưa quân chiếm đóng thêm địa bàn, tạo căng thẳng mới. Điều đó khiến nền tảng hợp tác trong Hiệp định nhanh chóng bị suy yếu.

Thứ hai, mâu thuẫn về chủ quyền không thể dung hòa. Việt Nam coi Hiệp định là bước đầu để tiến tới độc lập hoàn toàn, còn Pháp coi nó là công cụ để duy trì ảnh hưởng. Hai mục tiêu này trái chiều nên xung đột chỉ bị tạm thời hoãn chứ không được giải quyết tận gốc. Những bất đồng ở Hội nghị Fontainebleau (1946) là minh chứng rõ ràng.

Thứ ba, tình hình quốc tế phức tạp. Sự khởi đầu của Chiến tranh lạnh đã khiến các cường quốc không ưu tiên việc công nhận Việt Nam. Pháp tin rằng phương Tây sẽ ủng hộ duy trì ảnh hưởng ở Đông Dương, trong khi Việt Nam chưa có đồng minh quốc tế vững chắc. Điều này khiến khả năng bảo vệ Hiệp định bằng các cơ chế quốc tế gần như không có.

Bên cạnh các hạn chế nói trên, Hiệp định Sơ bộ đem lại những giá trị lâu dài trong tư duy ngoại giao của Việt Nam.

Một là, khẳng định nguyên tắc “dĩ bất biến ứng vạn biến”. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương giữ vững mục tiêu độc lập (cái bất biến), nhưng linh hoạt về sách lược (ứng vạn biến). Việc ký Hiệp định Sơ bộ giúp Việt Nam đẩy quân Trung Hoa Dân quốc về nước, tránh được nguy cơ bị tấn công từ 2 phía, kéo dài thời gian chuẩn bị lực lượng về mọi mặt. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: hòa hoãn không phải là nhượng bộ vô nguyên tắc, mà là một bước trong chiến lược bảo vệ nền độc lập. “Tạm thời hòa hoãn với Pháp để đuổi cổ quân Tưởng và quét sạch bọn phản động tay sai của Tưởng, dành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, điều mà Đảng ta biết chắc là không thể nào tránh khỏi. Những biện pháp cực kỳ sáng suốt đó đã được ghi vào lịch sử cách mạng nước ta như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược Lênin-nít về lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch về sự nhân nhượng có nguyên tắc”¹⁶.

Hai là, nền tảng pháp lý cho đấu tranh sau này. Với Hiệp định Sơ bộ, Việt Nam đã thiết lập được tư cách chủ thể trong đàm phán quốc tế, dù còn hạn chế. Khi Pháp vi phạm Hiệp định, Việt Nam có cơ sở để cáo buộc và chứng minh hành động xâm lược. Điều này là một lợi thế pháp lý quan trọng trong diễn ngôn ngoại

giao giai đoạn sau; đồng thời, “mở đường cho sự công nhận của quốc tế... dẫn chúng ta đến một vị trí quốc tế ngày càng vững vàng và đó là một thắng lợi chính trị lớn lao”¹⁷. Dù chỉ là sự kiện trong khuôn khổ quan hệ Việt - Pháp, nhưng đã khiến cộng đồng quốc tế quan tâm và hoan nghênh. Trả lời phỏng vấn hãng tin AFP tại Trùng Khánh, Chu Ân Lai, đại diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc nói rằng: Đó là một việc làm khuôn mẫu cho các đế quốc ở Thái Bình Dương và châu Á. Jawaharlal Nehru, lãnh tụ Đảng Quốc Đại (sau này là Thủ tướng Ấn Độ) bày tỏ quan điểm đồng tình; còn Hubertus Johannes van Mook, Toàn quyền Hà Lan tại Indonesia đã cử người đến Hà Nội để tìm hiểu kinh nghiệm. Hiệp định Sơ bộ đã tạo cơ sở pháp lý để nâng tầm vị thế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế.

Đến nay, có nhiều tác giả, nhiều công trình nghiên cứu, đánh giá về sự kiện này. “Với nhân quan chính trị sắc sảo và sự nhạy bén trước chuyển biến mau lẹ của tình hình, khi cả hai đối phương đều cần đến phía Việt Nam để tìm một giải pháp có thể chấp nhận, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời quyết định ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3 với những điều kiện có lợi nhất cho Việt Nam, phù hợp với cục diện tình hình và tương quan lực lượng cách mạng”¹⁸. Một số học giả quốc tế nêu vấn đề: Liệu Việt Nam có thể đi xa hơn trong đàm phán? Trong điều kiện lúc đó, Việt Nam liệu có thể cứng rắn hơn trong việc đòi độc lập hoàn toàn? Hiệp định có làm Việt Nam mất thế chủ động? Liệu rằng việc để quân đội Pháp thay quân đội Trung Hoa Dân quốc đã tạo điều kiện cho Pháp củng cố vị trí quân sự. Tuy nhiên, nhìn từ phía Việt Nam, đây là lựa chọn ít thiệt hại hơn vì quân Trung Hoa Dân quốc là mối đe dọa trực tiếp đối với sự tồn vong của chính phủ non trẻ.

Về giá trị pháp lý của Hiệp định trong nghiên cứu hiện đại, có ý kiến cho rằng: Hiệp định có giá trị như một công nhận quốc tế hay chỉ là một thỏa thuận hành chính, quân sự. Xu hướng hiện nay nghiêng về cách hiểu rằng: Dù không công nhận đầy đủ, nhưng Hiệp định đã xác lập tư cách thương lượng và tính chủ thể của Việt Nam, điều này có ý nghĩa đặc biệt đối với ngoại giao Việt Nam ở giai đoạn hình thành.

Mặc dù còn những vấn đề tranh luận và hạn chế nhất định, nhưng có thể khẳng định: Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 đã tạo dấu ấn sâu sắc lên tư duy ngoại giao Việt Nam với phương châm độc lập, tự chủ, nhưng mềm dẻo; đặt nền móng cho cấu trúc ngoại giao đa phương và song phương sau này; tạo tiền đề pháp lý, tư tưởng cho các hiệp định lớn hơn trong giai đoạn tiếp theo.

Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, là một dấu mốc đặc biệt trong tiến trình xây dựng và bảo vệ chủ quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Trong bối cảnh chính quyền non trẻ phải đối mặt với nhiều tình thế khó khăn, việc lựa chọn con đường thương lượng với Pháp thể hiện tư duy ngoại giao linh hoạt, sáng suốt của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam. Hiệp định không chỉ tạo ra khoảng thời gian hòa hoãn cần thiết để củng cố lực lượng, mà quan trọng hơn, đánh dấu lần đầu tiên Việt Nam ký kết một văn bản ngoại giao chính thức với một cường quốc, qua đó khẳng định bước đầu tư cách chủ thể pháp lý của một quốc gia độc lập trên trường quốc tế. Dù Hiệp định không thể ngăn chặn hoàn toàn sự bùng nổ chiến tranh, nhưng có giá trị pháp lý và ngoại giao mang tính bền vững, góp phần định hình truyền thống đối ngoại độc lập, tự chủ và nhân văn của Việt Nam. Hiệp định Sơ

bộ không chỉ là giải pháp tình thế, mà còn là một bước đi chiến lược, có ý nghĩa quyết định đối với tiến trình khẳng định chủ quyền và vị thế quốc gia của Việt Nam.

1. Đinh Xuân Lý, Đoàn Minh Huân (đồng Chủ biên): *Một số chuyên đề về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb LLCT, H, 2008, tr. 65

2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb LLCT, H, 2014, tr.174

3, 7, 8, 11, 12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 8, tr. 44, 42, 48, 50, 49

4, 14. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn: *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 2004, tr. 127, 131

5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, Nxb CTQGST, H, 2016, T. 3, tr. 197

6, 15, 17. Philippe Devillers: *Paris Saigon Hanoi (bản dịch của Hoàng Hữu Đản)*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2003, tr. 122, 182, 218

9. Nguyễn Văn Kết, Lê Huỳnh Hoa: “Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 - Văn kiện pháp lý đầu tiên trong quan hệ quốc tế của Nhà nước Việt Nam độc lập”, *Tạp chí Văn thư - Lưu trữ Việt Nam*, số 4-2016, tr. 59-67

10. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Trung học chính trị Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, lưu hành nội bộ, H, 2001, tr. 128

13. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 237

16. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb ST, H, 1979, tr. 31

18. Nguyễn Văn Bạo: “Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp năm 1946 - giá trị lịch sử và hiện thực”, <https://tapchiquptd.vn/Sites/print.aspx?newid=8626>, ngày đăng 15-2-2016.